

MỘT LOÀI VÀ MỘT THỨ THUỘC CHI GIỎI (MAGNOLIACEAE: *MICHELIA* L.) ĐƯỢC BỔ SUNG CHÍNH THỨC CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

Vũ Quang Nam

Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

Xia Nian He

Viện Thực vật Nam Trung Hoa

TÓM TẮT

Giổi lá bạc (*Michelia flaviflora* Y. W. Law & Y. F. Wu) được ghi nhận có phân bố ở vùng Đông Nam của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc và Hoàng lan lá xoan (*Michelia champaca* L. var. *pubinervia* (Blume) Miquel) ghi nhận có ở Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma, Nê-pan, Thái Lan và Trung Quốc. Loài và thứ giổi nói trên đã được đề cập về sự phân bố cho Việt Nam (Xia et al. 2008) nhưng chúng không được chỉ rõ vùng phân bố cụ thể, số hiệu tiêu bản, nơi lưu giữ tiêu bản v.v., hay cũng có những mập mờ về sự tồn tại độc lập của chúng (Chen & Nooteboom, 1993); chúng cũng chưa từng được nhắc đến trong bất cứ tài liệu chuyên khảo nào về phân loại thực vật của Việt Nam. Dựa trên những nghiên cứu tài liệu có liên quan, cơ sở hình thái của các mẫu vật đang lưu giữ tại phòng tiêu bản thực vật của Bảo tàng lịch sử tự nhiên Paris (P), Viện sinh học nhiệt đới TP. Hồ Chí Minh (VNM), Viện thực vật Nam Trung Hoa (IBSC), cũng như các mẫu vật gồm do chính tác giả thu được từ vùng núi Hoàng Liên Sơn, tỉnh Lào Cai, loài và thứ giổi trên chính thức được ghi nhận có ở Việt Nam. Tên địa phương của chúng ám chỉ đặc điểm nổi bật dễ nhận ra nhất trong số các loài giổi đã biết ở Việt Nam. Với ghi nhận này đã nâng tổng số loài trong chi Giổi (*Michelia* L.) của Việt Nam lên con số 22 loài và một thứ.

Từ khoá: Loài mới, Giổi lá bạc, Hoàng lan lá xoan, Chi giổi, Việt Nam

MỞ ĐẦU

Trên thế giới chi Giổi (Magnoliaceae: *Michelia* L.) có khoảng 70 loài phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới châu Á (Xia et al., 2008). Ở Việt Nam, Phạm Hoàng Hộ (1999) đã mô tả 19 loài thuộc *Michelia* L. và 2 loài thuộc các chi khác *Paramichelia* Hu và *Tsoongiodendron* Chun mà nay đã trở thành tên đồng nghĩa (*synonym*) của *Michelia* L., *Michelia baillonii* (Pierre) Finet & Gagnep. và *M. odora* (Chun) Nooteboom & B. L. Chen. Theo Nguyễn Tiến Bân (2003), chi này ở Việt Nam có 18 loài và một thứ *M. floribunda* Finet & Gagnep. var. *tonkinensis* Dandy và 3 loài thuộc chi khác nhưng nay cũng đã trở thành *synonym* của *Michelia braianensis*, *M. baillonii* và *M. odora*. Tiếp đó, Vũ Quang Nam (2009) và Vũ Quang Nam & Xia Nian He (2009) đã thông báo và bổ sung thêm 2 loài, đó là Giổi annam (*Michelia gioii* (A. Chev.) Sima & H. Yu) và Giổi Sapa (*M. velutina* DC.). Gần đây tác giả cũng đã ghi nhận thêm loài Giổi lông nâu (*Michelia fulva* Chang et B. L. Chen) cho hệ thực vật Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu các mẫu vật của họ Mộc lan (Magnoliaceae Juss.) ở các phòng tiêu bản của Việt Nam và trên thế giới, bên cạnh việc xử lý về phân loại như việc đưa các loài: *Michelia constricta* Dandy thành *synonym* của *M. chapensis*, *M. floribunda* var. *tonkinensis* thành *synonym* của *M. floribunda* Finet & Gagnep., *M. gravis* Dandy thành *synonym* của *M. odora*, *M. tignifera* Dandy thành *synonym* của *Michelia lacei* W. W. Sm., *M. subulifera* Dandy thành *synonym* của *M. mediocris* Dandy (Xia et al., 2008), chúng tôi dành sự quan tâm đến các tiêu bản thuộc về thứ Hoàng lan lá xoan (*Michelia champaca* var. *pubinervia*) có số hiệu: Poilane 3903 (P, VNM), Poilane 21121 (P), Schmid s.n. (P)

đ-ợc thu từ vùng núi thuộc tỉnh Lâm Đông và mang các đặc điểm nổi bật khác với thứ Hoàng lan ta (*Michelia champaca* var. *champaca*) bởi: *sẹo lá kèm trên cuống lá từ 0,3-0,7 chiều dài cuống lá, phiến lá th-ờng xoan, gốc lá th-ờng tròn hoặc nêm rộng, chót lá có đuôi ngắn, cuống quả th-ờng mảnh dẻ*. Các tiêu bản của cùng một loài mang cành lá, hoa và quả có số hiệu Nam 40109.20, Nam 181209.6 (IBSC, VFU), Trần Văn Tú HL 15 (VFU) do chính tác giả thu tại vùng núi Hoàng Liên năm 2009, sau khi đ-ợc kiểm tra đối chiếu với các tiêu bản gốc Wang 100120, đ-ợc thu tại vùng núi Pingbian thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, hiện đang đ-ợc l-u giữ tại phòng tiêu bản thực vật của Viện thực vật Nam Trung Hoa (IBSC) và bản mô tả gốc trên tạp chí Acta Botanica Yunnanica (Acta Bot. Yunnan. 10(3): 340. 1988), chúng đ-ợc xác định là loài Giới lá bạc (*Michelia flaviflora*) bởi mang các đặc điểm rất nổi bật khác với các loài giới khác nh- : *lá mỏng nh- giấy, mặt d-ới lá dày lông dài và bạc trắng do phủ lớp sáp, đuôi lá dài và không có sẹo lá kèm trên cuống*. Nh- vậy, sự ghi nhận mới này tại vùng núi Hoàng Liên, nơi nối tiếp của vùng núi Ailao thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, và cùng nằm trong vùng địa lý thực vật Sikang-Yunnan, không chỉ đóng góp thêm vào sự phong phú của hệ thực vật Việt Nam nói chung mà còn tiếp tục khẳng định sự giàu có về loài cùng những tiềm ẩn về đa dạng sinh học tại vùng núi cao Hoàng Liên, cần tiếp tục đ-ợc các nhà thực vật học quan tâm nghiên cứu.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu: Mẫu vật nghiên cứu gồm các tiêu bản thuộc về thứ Hoàng lan lá xoan: Poilane 3903 (P, VNM) (cành lá mang quả non), Poilane 21121 (P) (cành lá mang quả già), Schmid s.n. (P) (cành lá mang hoa), đều đ-ợc thu tại vùng cao nguyên Lang Biang, tỉnh Lâm Đông. Các tiêu bản thuộc loài Giới lá bạc đều thu tại Sa Pa, tỉnh Lào Cai gồm: Nam 181209.6 (IBSC, VFU) (mang hoa và quả, thu tại bản Cát Cát, xã San Sả Hồ, toạ độ 22°19.611N, 103°49.842E, 1285 m alt.), Nam 40109.20 (IBSC, VFU) (cành lá, thu tại Dền Thàn, toạ độ 22°13'32"N, 103°54'16"E, 1262m alt.), Trần Văn Tú HL 15 (VFU) (cành lá, thu tại Lao Chải). Tiêu bản gốc (*holotype*) Wang 100120 (IBSC) (cành mang lá và hoa), tiêu bản đã định tên Chen Bao Liang 87T-065 (SYS) (cành mang lá) của *Michelia flaviflora*.

Phương pháp: Sử dụng phương pháp truyền thống trong phân loại thực vật - phương pháp so sánh hình thái. Các đặc điểm phân tích đ-ợc đối chiếu với bản mô tả gốc và các bản mô tả khác có liên quan. Các khái niệm về loài và thứ đ-ợc xác định theo Tod F. Stuessy (Plant Taxonomy: The Systematic Evaluation of Comparative Data: 137-161. 2009).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khoá định loại cho các loài và thứ giới gần nhất ở Việt Nam

1A: Lá hình ellíp thon dài, mặt d-ới lá dày đặc lông trắng hoặc nâu vàng dài.

2A: Cuống lá không có sẹo lá kèm, mặt d-ới lá phủ lớp sáp trắng, lông trắng dài.....**1. *Michelia flaviflora***

2B: Cuống lá có sẹo lá kèm 0,3-0,5 chiều dài cuống, mặt d-ới không có lớp sáp trắng, lông màu nâu vàng, dày nh- thắm.....*Michelia vultina*

1B: Lá hình xoan hoặc hình trứng rộng.....*Michelia champaca*

3A: Lá th-ờng hình xoan, gốc lá th-ờng tròn rộng, mũi lá ngắn, cuống hoa và quả mảnh dẻ, cây mọc trong tự nhiên.....**2. *Michelia champaca* var. *pubinervia***

3B: Lá th-ờng hình trứng rộng, chót lá có mũi dài, cuống hoa quả mập hơn, cây trồng.....*Michelia champaca* var. *champaca*

1. Tên khoa học: *Michelia flaviflora* Y. W. Law & Y. F. Wu, 1988. Acta Bot. Yunnan. 10(3): 340. TYPE: China, Yunnan, Pingbian, alt. 14500 m, Wang 100120 (holotype: IBSC!; isotype: KUN!). (Hình 1, 2).

Tên đồng nghĩa: *Magnolia flaviflora* (Y. W. Law & Y. F. Wu) Figlar, 2000. Proc. Internat. Symp. Fam. Magnoliac. 21.

Tên địa phương: Giỏi lá bạc

Mô tả

Cây gỗ cao 10-15m, đ-ờng kính khoảng 25-30cm, sớm phân cành; thân tròn, không nứt, vỏ xám loang lổ. Cành non, cuống lá, cuống hoa, quả, mặt d-ới lá, bao chồi, mo hoa phủ đầy lông tơ màu sáng lúc t-oi và có dạng nâu vàng sau khi sấy khô. *Cành mang lá mảnh dẻ*, phủ đầy lông sáng; *lá kèm rời, không để lại vết sẹo trên cuống lá sau khi rụng. Khi vò lá có mùi không thơm nh- các loài khác trong họ.*

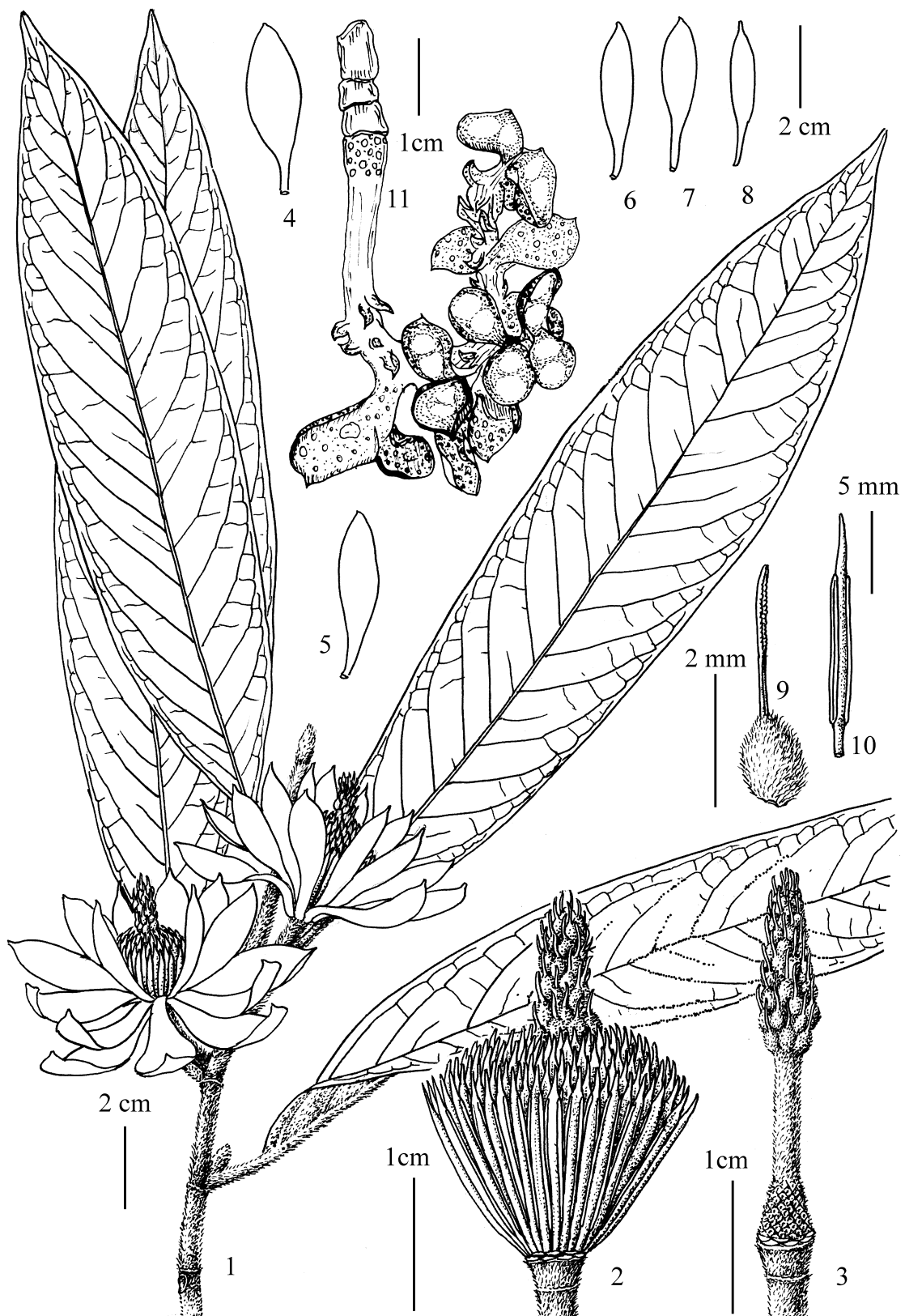
Lá mỏng nh- giấy, dai, mặt d-ới phủ đầy lông dài màu sáng, đặc biệt có lớp sáp tạo màu trắng loang lổ đặc tr-ng, mặt trên xanh đậm lúc t-oi, nâu tối khi sấy khô, có lông dẹt dày trên gân chính, mép lá phẳng. Phiến lá dạng *ellíp dài*, kích th-ớc 14-28 x 3,5-5,5cm; gốc lá dạng nêm, chót lá nhọn với mũi nhọn dài 0,5-2cm. Gân hệ lông chim, nổi rõ ở mặt d-ới, mặt trên phẳng, không rõ, 15-19 cặp, xếp lệch nhau, giao nhau phía gân sát mép lá, gân tam cấp không rõ kể cả khi khô. Cuống lá tròn, ngắn 0,4-0,9cm, phủ đầy lông, không vết sẹo lá.

Hoa đơn độc mọc ở nách lá, màu trắng; cuống hoa ngắn 0,7-1cm, đầy lông nâu vàng lúc khô, có 2-3 vết sẹo của mo hoa; *bộ nhụy dài hơn bộ nhị*. Búp hoa dạng trứng có phần mũi dài, kích th-ớc khoảng 2,5 x 1cm, lông nâu vàng dạng thảm. Cánh hoa 13-15 chiếc, dạng máng ng-ợc, màu trắng với phần chân cánh thu hẹp, màu hơi xanh, kích th-ớc t-ong đối đồng đều 3-4 x 0,5-1cm. Nhị nhiều, dài 1,2-1,5cm, *phần trung đới kéo dài tạo thành phần phụ nhọn, sắc ở chót nhị, dài 1,5-2mm*, bao phấn dài 9-10mm, mở trong hoặc hơi h-ớng bên, chỉ nhị ngắn, màu tím hơi nhạt lúc t-oi. Bộ nhụy dài 2-2,3cm, dày đặc lông vàng t-oi; cuống nhụy 1-1,2 x 0,2cm; các lá noãn rời nhau, tập hợp tạo dạng trụ dài 0,9-1,2cm, mỗi noãn có phân bầu dạng trứng cao khoảng 1-2mm, đầy lông, phần vòi nhụy dài khoảng 2mm, không lông.

Quả dạng trụ dài 7-10cm, đầy lông nâu; cuống quả dài 1,5-2 x 0,5-0,6cm, phần sẹo của bao hoa, nhị và cuống nhụy 2-2,5 x 0,5cm; phần mang các đại dài 4-7cm, mỗi đại riêng rẽ hình trứng, mặt ngoài nhiều bì khổng sáng và có lông, *kích th-ớc nhỏ khoảng 0,7-1,5 x 0,6-0,8cm, phần đầu quả có mấu rất ngắn*; trên quả đan xen những đại lép bên cạnh những đại phát triển bình th-ờng. Hạt 1-3, hình bầu dục.

Sinh thái: Trong rừng lá rộng th-ờng xanh đai cao 1200-1500m so với mặt n-ớc biển. Mùa hoa vào tháng 11-1, mùa quả khoảng tháng 3-5.

Phân bố: Phân bố tự nhiên tại vùng núi thuộc dãy Hoàng Liên, Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Loài này cũng đã đ-ợc ghi nhận có ở Trung Quốc (Đông Nam của tỉnh Vân Nam: Pingbian và Da Wei Shan).



Hình 1: Giổi lá bạc (*Michelia flaviflora*): 1- Cành lá mang hoa; 2- Bộ nhị và nhụy hoa; 3- Bộ nhụy; 4-8- Cánh hoa; 9- Một lá noãn; 10- Một nhị hoa; 11- Quả. (1-10. theo Liu, Y. H. et al., 2004: 252; 11. Vũ Quang Nam vẽ theo mẫu Nam 181209.6).



Hình 2: Giổi lá bạc (*Michelia flaviflora*): A- Cây và một phần vỏ; B- Mặt d-ới lá; C- Bộ nhị và nhụy hoa; D- Búp hoa; E- Hoa; F- Quả.

2. Tên khoa học: *Michelia champaca* L. var. *pubinervia* (Blume) Miquel, 1868. Ann. Mus. Bot. Lugduno-Batavi 4: 72; Nootboom, 1985. Blumea 31: 115; Nootboom, 1988. Fl. Males., ser. I, 10: 603. (hình 3).

Tên đồng nghĩa: *Michelia pubinervia* Blume, 1829. Fl. Javae 19-20 (Magnoliaceae): 14; *Magnolia champaca* var. *pubinervia* (Blume) Figlar & Nootboom, 2004. Blumea 49: 10; Nootboom & Chalermglin, 2009. Thai For. Bull. (Bot.) 37: 119. TYPE: Indonesia, Blume 670 (holotype L; isotype BO).

Tên địa phương: Hoàng lan lá xoan



Hình 3: Hoàng lan lá xoan (*Michelia champaca* var. *pubinervia*): A- Cành lá mang quả non, mẫu Poilane 3903 (VNM); C- Quả tr- ởng thành, mẫu Poilane 21121 (P). Hoàng lan ta (*Michelia champaca* var. *champaca*): B- Cành mang lá và nụ hoa, mẫu No 8758 (HN); Quả tr- ởng thành, mẫu Nam 080810.1 (VFU).

Mô tả

Cây gỗ lớn cao đến 50m, đ- ờng kính đến 1,8m. Búp lá, cành non, cuống lá lúc non, mặt d- ới lá lúc non có lông măng ép màu vàng t- ơi. Lá kèm dính với cuống lá và khi rụng để lại vết sẹo trên cuống lá có độ dài bằng 0,3-0,7 chiều dài cuống lá.

Lá xếp xoáy, mép lá phẳng; phiến lá hình xoan hoặc hơi hình trứng rộng, kích th- ớc (11-)14,5-21 x (5-)8-9.5cm; mặt trên nâu đậm lúc khô, có dây lông vàng ngắn ở gân, nhất là gân chính, mặt d- ới màu nâu vàng lúc khô, phủ đầy lông vàng t- ơi; gốc lá hình nêm rộng hoặc tròn, có 2 gờ nhỏ từ mép lá chạy dọc xuống tận đỉnh sẹo lá kèm trên cuống, chót lá nhọn, với mũi nhọn th- ờng ngắn 0,4-0,7cm. Hệ gân lông chim, nhìn rõ ở cả hai mặt lá,

nổi rõ ở mặt dưới, mặt trên không nổi, với 15-20 cặp, xếp lệch nhau, giao nhau ở phía gần mép lá; gân tam cấp dày, nhìn rõ bằng mắt thường. Cuống lá dài 1,5-2cm, đầy lông vàng, có sẹo lá dài tồn tại.

Hoa vàng hoặc vàng cam, đơn độc ở nách lá, cuống đầy lông tơ vàng, *mảnh dẻ*, dài khoảng 2cm, có 2 đốt (sẹo của mo hoa để lại), nhụy dài hơn nhị; cánh hoa khoảng 15, hình máng, kích thước gần nhau 2-5 x 0,5-0,8cm. Nhị nhiều, dài 6-8mm, phần phụ của trung đới ở đỉnh mỗi nhị ngắn 0-1mm, bao phấn mở bên hoặc gần bên. Cuống nhụy dài 2-5mm, lông màu xám; lá nõn 25-35.

Quả dạng trụ dài 5-8cm, cuống quả mảnh dẻ 2-2,5 x 0,3cm, phần cuống nhụy và sẹo bao hoa, nhị dài khoảng 1,5cm. Các đại nhỏ rời nhau, gần tròn, đường kính khoảng 0,9cm. Hạt nhỏ, tròn, đường kính 5mm, 1-2 hạt mỗi đại.

Sinh thái: Mọc trong rừng tự nhiên cây lá rộng, đai cao từ 200-1500m so với mặt nước biển. Mùa hoa vào khoảng tháng 4-5, mùa quả vào tháng 9-10.

Phân bố: Phân bố tự nhiên tại vùng núi Langbiang, tỉnh Lâm Đồng. Loài này còn có ở Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma, Nê-pan, Thái Lan và Trung Quốc.

Lời cảm ơn

Lời cảm ơn sâu sắc xin được gửi đến: Chính phủ Việt Nam (Đề án 322), Quỹ khoa học tự nhiên Quốc gia Trung Quốc (No. 30270100) và Quỹ Foundation at Arboretum Wespelaar, Vương quốc Bỉ đã hỗ trợ kinh phí cho tác giả thứ nhất đi kiểm tra mẫu tại các phòng bảo tàng thực vật của Bảo tàng lịch sử tự nhiên Paris (P), Trường Đại học tổng hợp Leiden (L), Vườn thực vật Kew (K) trong tháng 4 năm 2010; các phòng tiêu bản của Trường Đại học Trung Sơn (SYS), Viện thực vật Nam Trung Hoa (IBSC) và Viện sinh học nhiệt đới (VNM); và các chuyên gia Hans P. Nooteboom (L) và Sima Yong Kang (KUN) đã gửi những mẫu vật chuẩn và tài liệu cần thiết cho bài viết này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chen, B.L. & H.P. Nooteboom, 1993. Notes on Magnoliaceae III: The Magnoliaceae of China. *Ann. Missouri Bot. Gard.* 80: 999-1104.
- Law, Y. W. & Y. F. Wu, 1988. Some new taxa of *Michelia* from China. *Acta Bot. Yunnan.* 10(3): 335-342.
- Liu, Y. H. et al., 2004: *Magnolias of China*, 1-391. Beijing Sciences & Technology Press.
- Miquel, F. A. G., 1868. Magnoliaceae. *Ann. Mus. Bot. Lugduno-Batavi* 4: 68-73.
- Nguyễn Tiên Bàn, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, II: 7-16. Nxb. Nông nghiệp Hà Nội.
- Phạm Hoàng Hộ, 1999. *Cây cỏ Việt Nam*, I: 230-242. Nxb. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh.
- Vũ Quang Nam, 2009. Loài giới Annam (*Michelia gioii* (A.Chev.) Sima & Yu) thuộc họ Mộc Lan (Magnoliaceae) ở Việt Nam. *Tạp chí Lâm nghiệp* 1: 826-829.
- Vũ Quang Nam & Xia Nian He, 2009. Bổ sung một loài giới mới - Giới Sapa *Michelia velutina* Candolle (Magnoliaceae - Họ Mộc lan) cho hệ thực vật Việt Nam. *Tạp chí Lâm nghiệp* 3: 1012-1015.
- Xia, N. H., Y. H. Liu & H. P. Noteboom, 2008. *Flora of China: Magnoliaceae* 7: 48-91. Sciences Press (Beijing) & Missouri Botanical Garden Press (St. Louis).

**MICHELIA FLAVIFLORA Y. W. LAW & Y. F. WU AND MICHELIA CHAMPACA
L. VAR. PUBINERVIA (BLUME) MIQUEL (MAGNOLIACEAE) IN VIETNAM**

Vu Quang Nam

Vietnam Forestry University

Xia Nian He

South China Botanical Garden, Chinese Academy of Sciences

SUMMARY

Michelia flaviflora Y. W. Law & Y. F. Wu, a well-known species in the southeastern China and *Michelia champaca* L. var. *pubinervia* (Blume) Miquel, a good variety distributed in India, Indonesia, Malaysia, Myanmar, Nepal, Thailand and China, have been reported to occur in Vietnam, but their distributions, collection numbers, and preserving places are still being obscure as well as they are unknown species for Vietnamese botanists. By examination specimens of Poilane 3903 (P, VNM), Poilane 21121 (P), Schmid *s.n.* (P) and additional collections of Nam 181209.6 (IBSC, VFU), Nam 40109.20 (IBSC, VFU), Tran Van Tu HL 15 (VFU) from the botanical expedition in Sapa, Lao Cai Province and together with careful comparison with the typus specimens of Wang 100120 (IBSC) and authenticated specimen of Chen Bao Liang 87T-065 (SYS), they are confirmed as new records for flora of Vietnam. *Michelia flaviflora* has the most remarkable characters such as: leaf blade narrowly elliptic, papery, abaxially glaucous and white hairy, and petiole short, without a stipular scar; it was found in Hoang Lien Mts., where is nearly bordered on China. *Michelia champaca* var. *pubinervia* has its notable characters as leaf blade broadly elliptic, base cuneate to rounded, apical acumen often rather short and stipular scar 0.3-0.7 as long as petiole; it has its natural distribution in the Langbiang Plateau, Lam Dong Province. Thus, totally 22 species and 1 variety of the genus *Michelia* are heretofore recognized from Vietnam.

Keywords: New species, *Michelia flaviflora*, *Michelia champaca* var. *pubinervia*, *Michelia*, Vietnam.